TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 22/2025/QĐST-DS	*H, ngày 27 tháng 6 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 19 tháng 6 năm 2025 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 52/2025/TLST-DS ngày 22 tháng 5 năm 2025.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê thi N năm 1960. Địa chỉ: Số G, đường T, khu phố A, phường P, thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn:

- Bà Trương Thị L năm 1982.

- Ông Trần Nhật L1 sinh năm 1984.

Cùng địa chỉ: khu phố C, phường P, thành phố H, tỉnh Kiên Giang

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Bà Trương Thị L, ông Trần Nhật L1 thừa nhận vào tháng 02/2022, ông bà có vay của bà Lê Thị N tiền 2.050.000.000 đồng, tháng 5/2023 vay thêm số tiền 1.000.000.000 đồng, đến năm 2024 vay thêm số tiền 900.000.000 đồng, tổng cộng số tiền đã vay của bà N là 3.950.000.000 đồng (ba tỷ chín trăm năm mươi triệu đồng), đến nay chưa thanh toán. Nay là Lê Thị N yêu cầu bà L và ông L1 thanh toán số nợ trên cho bà 1và không yêu cầu tính lãi.

Các bên đương sự thống nhất thời gian và phương thức trả nợ như sau: Bà Trương Thị L và ông Trần Nhật L1 thanh toán số tiền 3.950.000.000 đồng (ba tỷ chín trăm năm mươi triệu đồng) cho bà Lê Thị N ngày 19/8/2025.

Kể từ ngày, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành, nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ số tiền phải thanh toán thì còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn bà Lê Thị N bị đơn bà Trương Thị L và ôngTrần Nhật L1 tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 55.500.000 đồng (Năm mươi lăm triệu năm trăm nghìn đồng), mỗi bên chịu một nửa số tiền 27.750.000 đồng (hai mươi bảy bảy trăm năm mươi triệu đồng), do bà N là người cao tuổi thuộc trường hợp miễn án phí và có đơn yêu cầu miễn án phí nên bà N1được miễn án phí. Vì vậy bà L và ông L1phải nộp án phí số tiền là 27.750.000 đồng (hai mươi bảy bảy trăm năm mươi triệu đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

đã ký

Lê Thị Diễm

Nơi nhận:
- Các đương sự; đa
- VKSND thành phố H;
- Lưu hồ sơ vụ